

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2022/DS-ST
Ngày: 22/12/2022.
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 836/2022/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm 1970; địa chỉ: tổ 20, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, cư trú: tổ 10, ấp H, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973, cư trú: ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

(Tại phiên tòa A, ông T có mặt; ông D vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Văn A trình bày:

Ông Trần Văn A là chủ cửa hàng chuyên kinh doanh vật tư nông nghiệp Đức An tại chợ Đ, xã Q. Ông Nguyễn Văn D là khách hàng quen tại cửa hàng nhiều năm nay.

Vào ngày 07/01/2016, ông Nguyễn Văn D có giới thiệu ông Nguyễn Văn T – cháu ruột, đến cửa hàng ông A mua vật tư nông nghiệp nhiều lần với tổng số tiền 59.730.000đ. Khi mua bán hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, kết thúc mùa vụ sẽ thanh toán, ông A và ông D có ký hợp đồng mua bán người mua để tên ông T vì ông A chỉ tin tưởng ông D.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A đã giao đủ số vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho ông T nhưng đến khi thu hoạch ông T thất hứa, nhiều lần liên hệ nhưng phía ông T, ông D trốn tránh nghĩa vụ.

Đến ngày 07/7/2022, ông A và ông T tiến hành ký biên bản xác nhận nợ với số tiền gốc 59.730.000đ, lãi suất từ khi mua đến ngày xác nhận nợ là 18 triệu đồng, tổng số tiền 77.730.000đ.

Nay ông A yêu cầu ông T và ông D phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền trên, ông không yêu cầu tiếp tục xem xét lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông A về hợp đồng mua bán về thời gian, số tiền nợ lại, thời gian xác nhận nợ. Tuy nhiên, ông xác định khi mua bán với A, ông không ký giấy tờ chỉ ghi nhận bằng sổ tay của hai bên nên chữ viết và chữ ký tại biên bản xác nhận nợ ngày 7/7/2022 không phải của ông.

Nay do hoàn cảnh khó khăn, vụ mùa thua lỗ nên không thể thanh toán cho ông A một lần, xin trả dần mỗi năm 10 (mười) triệu đồng cho đến khi dứt nợ và miễn lãi suất.

Việc ông A yêu cầu ông D cùng có trách nhiệm thanh toán, ông không đồng ý. Ông D có giới thiệu ông đến cửa hàng của ông A để mua vật tư nông nghiệp là có thật. Tuy nhiên, ông D chỉ giới thiệu mùa đầu tiên và ông đã thanh toán đầy đủ cho A, đến các mùa vụ sau thì ông trực tiếp đến thỏa thuận mua bán, ông D không biết sự việc này nên không có trách nhiệm chung cùng với ông trả nợ cho A.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Tôi là chú ruột của ông T, ông A chỉ quen biết qua việc mua bán vật tư nông nghiệp nhiều năm.

Do thời gian quá lâu ông không nhớ rõ ngày tháng, ông có giới thiệu ông T đến cửa hàng ông A để mua vật tư nông nghiệp (hạt giống sắn, phân bón, thuốc trừ sâu), thỏa thuận như ông T trình bày. Từ sau vụ sắn trên, giữa ông A và ông T tự thỏa thuận mua bán với nhau ông không biết sự việc, nay còn nợ lại bao nhiêu ông không có trách nhiệm. Do đó, ông không đồng ý việc ông A yêu cầu ông cùng chịu trách nhiệm với ông T.

Đối với hợp đồng mua bán ngày 07/01/2016 ông A cung cấp cho Tòa án, ông xác định không phải là chữ ký, chữ viết của ông.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tòa án tiến hành hòa giải, nhiều lần động viên hai bên nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định pháp luật.

Ông Trần Văn A trình bày: Việc ông T không thanh toán đúng hạn từ năm 2019 đã gây thiệt hại cho ông. Thời điểm 2019, một bao phân bón giá 400.000đ nhưng hiện nay đã là 850.000đ. Ông đồng ý theo lời động viên của Hội đồng xét xử giảm $\frac{1}{2}$ lãi suất và đồng ý mỗi năm ông T trả 10 triệu đồng cho đến khi dứt nợ với tổng số tiền 68.730.000đ, ông T không đồng ý thì ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; rút lại yêu cầu đối với ông D.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của ông A tại phiên tòa hôm nay. Ông xin giảm hoàn toàn lãi suất và trả dần mỗi năm 10 triệu là hết khả năng, hiện nay ông là lao động chính trong gia đình, không còn đất canh tác nên xin ông A miễn hoàn toàn lãi suất.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung:

Ông A rút lại yêu cầu đối với ông D nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

Qua động viên của Hội đồng xét xử, ông A đồng ý giảm $\frac{1}{2}$ lãi suất và chấp nhận ông T trả dần mỗi năm 10 triệu đồng, nhằm tạo điều kiện cho ông T thanh toán nhưng không được ông T đồng ý.

Xét thấy, ông A và ông T thống nhất có thực hiện mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu, hạt giống), thời gian mua bán vào ngày 07/01/2019, thời gian chốt nợ 30/12/2022 với số tiền gốc 59.730.000đ, ông T không thanh toán nên ông A khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi suất. Do đó, khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn D phải cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp 59.730.000đ và lãi suất từ ngày 30/12/2019 đến ngày

xét xử theo hợp đồng mua bán ngày 07/01/2016 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 9, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Khoản 2, Điều 14, Điều 5, Điều 6 và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2022 hai bên thống nhất thời gian thanh toán cuối cùng vào ngày 30/12/2019 và thời gian chốt sổ vào ngày 07/7/2022, nhiều lần ông A yêu cầu ông T thanh toán nhưng không được nên đến ngày 07/7/2022 ông A khởi kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 154 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông T hiện cư trú tại xã K, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong vụ án này do ông A là chủ cửa hàng mua bán vật tư nông nghiệp khởi kiện ông T nợ tiền nên xác định ông A là nguyên đơn, ông T là bị đơn; ông A cho rằng ông D là người giới thiệu ông T nên phải có trách nhiệm cùng ông T thanh toán nợ nên xác định ông D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đúng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung vụ án.

[5.1] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể: Chỉ yêu cầu ông T thanh toán số tiền gốc 59.730.000đ cùng lãi suất từ ngày 30/12/2019 đến ngày xét xử; rút yêu cầu đối với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thay đổi thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 71 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và việc thay đổi này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 59.730.000đ và lãi suất từ ngày 30/12/2019 đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình tố tụng, ông A và ông T cùng thống nhất thời gian mua bán vào ngày 07/01/2016, hàng hóa mua bán là vật tư nông nghiệp (phân bón, hạt giống, thuốc trừ sâu), thời gian thanh toán cuối vào ngày 30/12/2019, thời gian chốt sổ 07/7/2022, số tiền gốc 59.730.000đ, do hai bên không thống nhất lãi suất và phương thức thanh toán nên hòa giải không thành.

Ông A cung cấp Hợp đồng mua bán và biên bản xác nhận công nợ không được phía bị đơn thừa nhận nên không được xem xét. Tuy nhiên, nội dung mua bán được ông T thừa nhận, thực hiện trên tinh thần tự thỏa thuận, đúng theo

nguyên tắc tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên xem là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông Trần Văn A và ông Nguyễn Văn T có phát sinh quan hệ mua bán đúng với nội dung ông A đã khởi kiện.

Căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên mua có trách nhiệm trả tiền đúng thời gian, địa điểm, mức tiền được ghi nhận trong hợp đồng. A nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông T không thực hiện nên ông A khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 30/12/2019 đến khi xét xử vụ án đối với số tiền nợ gốc 59.730.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong giai đoạn hòa giải, hai bên không thống nhất với nhau về lãi suất hợp đồng mua bán nên theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, số lãi ông T phải thanh toán cho ông A được tính như sau:

Từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2022 là 03 năm, được tính: $59.730.000 \times 10\% \times 03 \text{ năm} = 17.919.000\text{đ}$.

Như vậy, cả vốn và lãi ông T phải có trách nhiệm trả cho ông A với số tiền là 77.649.000đ là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho ông Trần Văn A số tiền 77.649.000đ (Bảy mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng) trong đó tiền gốc 59.730.000đ, lãi suất đến tháng 12/2022 là 17.919.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và ông A có đơn yêu cầu thi hành án, ông T không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi

được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm cùng ông Nguyễn Văn T thanh toán số nợ 59.730.000đ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.883.000 (Ba triệu tám trăm tám mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn A được hoàn lại số tiền 1.943.000 (Một triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0007181 ngày 11/10/2022.

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/12/2022); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện A (1);
- THADS huyện A (1);
- Các đương sự (4);
- Luật sư (1);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Thảo Ngân

